

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VŨ THƯ
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 24/01/2025

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn giữa chị Trần Thị Anh D
và anh Phạm Văn T.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨ THƯ, TỈNH THÁI BÌNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Nhiều và ông Phạm Đức Hiên.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Kim - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Huyền Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 147/2024/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2024 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2024/QĐXX - ST ngày 30 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2025/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Trần Thị Anh D**, sinh năm 1976;

2. Bị đơn: Anh **Phạm Văn T**, sinh năm 1974

Địa chỉ: SN 208 A, tổ Tr, thị trấn Vũ Thư, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình.

(Chị D, anh T có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện đề ngày 12 tháng 11 năm 2024, bản tự khai đề ngày 22 tháng 11 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị Anh D trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị và anh Phạm Văn T tự nguyện tìm hiểu, cưới có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Vũ Thư, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình vào ngày 12/01/1997. Sau khi kết hôn vợ chồng chúng sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách vợ chồng không hòa hợp và bản thân anh T có những mối quan hệ bất chính bên ngoài, chị có biết và khuyên bảo nhưng anh T tỏ thái độ đe dọa và đánh chửi chị. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 9/2024 đến nay. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn không thể hàn gắn được, vì vậy chị làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Phạm Văn T.

- *Về con chung*: Chị và anh Phạm Văn T có 02 con chung là Phạm Thảo L, sinh ngày 19/01/1998, Phạm Thị Ngọc M sinh ngày 04/02/2003. Con L đã có gia đình riêng, con M đang học đại học. Hiện các con đã trưởng thành nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về quan hệ tài sản*: Chị và anh Phạm Văn T tự thỏa thuận với nhau, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Đối với bị đơn - anh Phạm Văn T: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng, gia đình anh T đã nhận và thông báo cho anh T biết, anh T biết nhưng nhiều lần anh T không lên Tòa án để trình bày quan điểm của mình.

Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử, anh T nhận được thông báo và lên trình bày quan điểm của mình về việc chị D có đơn khởi kiện xin ly hôn anh, cụ thể: Về quan hệ hôn nhân: Thủ tục và thời gian đăng ký kết hôn như chị D trình bày là đúng, nguyên nhân mâu thuẫn xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được. Nay chị D có đơn xin ly hôn, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị D; Về con chung: Chị D trình bày là đúng, anh cũng đồng ý với ý kiến trình bày của chị D; Về tài sản: Anh đồng ý vợ chồng tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Và anh đề nghị được vắng mặt tại phiên tòa.

3. Biên bản xác minh tại UBND thị trấn Vũ Thư, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình cung cấp:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Anh chị đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Vũ Thư, huyện Vũ Thư vào ngày 12/01/1997. Sau khi kết hôn anh chị sinh sống tại địa chỉ: SN 208 A, tổ Trung Hưng, thị trấn Vũ Thư, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình, quá trình chung sống địa phương không thấy anh chị có mâu thuẫn trầm trọng dẫn đến việc địa phương phải tổ chức hòa giải. Nay chị D có đơn xin ly hôn anh Tốt, địa phương đề nghị Tòa án căn cứ quy định của pháp luật hòa giải cho anh chị đoàn tụ với nhau, nếu trường hợp chị D cương quyết xin ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- *Về con chung:* Anh chị có 02 con chung là Phạm Thảo L, sinh ngày 19/01/1998, Phạm Thị Ngọc M sinh ngày 04/02/2003. Hiện các con đã trưởng thành nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, địa phương không có ý kiến gì.

- *Về tài sản:* Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh Tốt không có ý kiến gì, địa phương không có ý kiến gì. Anh chị không có nợ chung đối với các tổ chức, đoàn thể xã hội tại địa phương.

Anh chị có đăng ký hộ khẩu tại địa phương, Hiện anh T vẫn sinh sống tại địa phương.

4. Biên bản lấy lời khai của chị Phạm Thị Ngọc M (con gái của anh Tốt và chị D) cung cấp: Chị là con của mẹ Trần Thị Anh D và bố là Phạm Văn T. Theo như chị được biết mẹ chị là D đã nộp đơn khởi kiện xin ly hôn bố chị là Phạm Văn T vào ngày 12/11/2024. Trong quá trình bố mẹ chị chung sống với nhau không được hạnh phúc, tuy bố mẹ chị ở cùng nhà nhưng bố chị có mối quan hệ bên ngoài thường xuyên vắng mặt ở nhà khoảng vài ngày. Mẹ chị cũng biết việc đó, cũng đã cố gắng níu kéo gia đình để cho các chị ổn định cuộc sống, đầy đủ cả bố lẫn mẹ, nhưng bố chị không tôn trọng mẹ chị và gia đình. Mẹ chị đã nói chuyện với hai chị em về cuộc hôn nhân giữa bố mẹ chị không được hạnh phúc và phải làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết.

Trong quá trình Tòa án thụ lý và giải quyết có gửi các văn bản giấy tờ liên quan đến việc thông báo cho bố chị là Phạm Văn T lên Tòa án để trình bày quan điểm của mình đối với việc mẹ chị có đơn khởi kiện xin ly hôn. Chị đã nhận được văn bản của Tòa án và đã đưa tận tay cho bố chị. Nay chị xác định bố chị có nhận được các văn bản của Tòa án, bằng biên bản lấy lời khai này chị xác

nhận bố chị là Phạm Văn T đã nhận được các văn bản do chị trực tiếp đưa tận tay cho bố chị và đã biết việc mẹ chị khởi kiện xin ly hôn.

Về việc gửi văn bản tố tụng, chị đề nghị Tòa án giao trực tiếp văn bản tố tụng cho chị, chị sẽ có trách nhiệm giao tận tay ngay cho bố chị là ông Phạm Văn T biết.

*** Tại phiên tòa đại diện VKSND huyện Vũ Thư phát biểu quan điểm:**

- Về tố tụng: Thẩm phán và HĐXX, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn thực hiện đúng một phần quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, Điều 56; Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 228, 238, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 đề nghị: Xử cho chị Trần Thị Anh D được ly hôn anh Phạm Văn T; Về quan hệ con chung: Hiện anh chị có hai con chung là Phạm Thảo L, sinh ngày 19/01/1998, Phạm Thị Ngọc M sinh ngày 04/02/2003. Hiện các con đã trưởng thành không đặt ra giải quyết.

Về tài sản: Do chị D yêu cầu tự thỏa thuận phân chia không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh T không có quan điểm trình bày nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Chị Dung phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, cũng như thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Chị Trần Thị Anh D khởi kiện xin ly hôn và không yêu cầu giải quyết về nuôi con và người cấp dưỡng nuôi con. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp ly hôn*” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư.

[1.2] Chị Trần Thị Anh D, anh Phạm Văn T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

2. Về nội dung:

[2.1] Quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Anh D và anh Phạm Văn T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Vũ Thư, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình vào ngày 12/01/1997 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, theo chị D, anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do tính cách vợ chồng không hòa hợp và bản thân anh T có những mối quan hệ bất chính bên ngoài, chị biết và đã khuyên giải nhưng anh T không nghe và có thái độ với chị. Anh chị sống ly thân từ tháng 9/2024 đến nay. Anh T vẫn đăng ký hộ khẩu tại thôn Số nhà 208A, Trung Hưng, thị trấn Vũ Thư, huyện Vũ Thư, theo Phạm Thị Ngọc M (con gái) xác định anh Tốt vẫn về nhà và có nhận được các văn bản của Tòa án và có lên Tòa án nhưng không trình bày văn bản ý kiến của mình về việc chị D có đơn xin ly hôn.

Quan điểm của chị D xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn. Xét thấy, anh chị tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, cần xử cho chị Trần Thị Anh D được ly hôn anh Phạm Văn T.

[2.2] Về con chung: Chị Trần Thị Anh D và anh Phạm Văn T có 02 con chung là Phạm Thảo L, sinh ngày 19/01/1998, Phạm Thị Ngọc M sinh ngày 04/02/2003. Xét thấy hiện nay hai con đã trưởng thành, nên HĐXX không đặt ra giải quyết.

[2.3] Về tài sản: Chị Trần Thị Anh D và anh Phạm Văn T từ thỏa thuận phân chia không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không đặt ra giải quyết.

[2.4] Về án phí: Chị Trần Thị Anh D và anh Phạm Văn T thuận tình ly hôn, nên mỗi người phải chịu số tiền là 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Xét thấy chị D tự nguyện chịu cả án phí ly hôn nên HĐXX chấp nhận.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 39 Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý án phí, lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị Anh D được ly hôn anh Phạm Văn T.

2. Về quan hệ con chung: Chị Trần Thị Anh D và anh Phạm Văn T có 02 con chung là Phạm Thảo L, sinh ngày 19/01/1998, Phạm Thị Ngọc M sinh ngày 04/02/2003. Xét thấy hiện nay hai con đã trưởng thành, nên HĐXX không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản: Chị Trần Thị Anh D và anh Phạm Văn T từ thỏa thuận phân chia không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Thị Anh D tự nguyện nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị D đã nộp theo biên lai số 0001798 ngày 22 tháng 11 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũ Thư.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị Anh D và anh Phạm Văn T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư;
- Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Vũ Thư;
- Các đương sự;

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- UBND thị trấn Vũ Thư, huyện Vũ Thư;
- TAND tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu HCTP.

Nguyễn Thị Xuân Huyền

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Xuân Huyền

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Xuân Huyền

